

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 211/2023/HS-ST

Ngày: 19-9-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TPNĐ, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân TPNĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2023/HSST ngày 03 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị K, sinh năm 1958 tại TPNĐ; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp Tân Đ 1, xã Tân L, huyện Tân B, tỉnh Tây N; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 0/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Trần Thị N; có chồng là Nguyễn Văn N (đã ly hôn); có 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt truy nã theo Lệnh truy nã số 24 ngày 10-10-1990 của Công an TPNĐ, bị tạm giữ ngày 01-9-2023, đến ngày 03-9-2023 chuyển tạm giam; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TPNĐ; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01-7-1990, Đặng K N trú tại: Số 62 Hàng T, TPNĐ đến nhà Lê Thị K, trú tại: 85 Bờ S, phường Ngô Q, TPNĐ nói với K rằng có cô bé nào không cho N vui vẻ quan hệ sinh lý thì K đồng ý bảo N ngồi chờ để K đi gọi. K sang nhà chị G (cạnh nhà K) gọi Nguyễn Thị H đang ngồi chơi ở đó (H là gái mãi dâm chuyên nghiệp). Lê Thị K bảo với H: “về nhà có khách đang chờ”, H hiểu ý về nhà K tại 85 Bờ S, phường Ngô Q, TPNĐ. H và K đang chuẩn bị giao hợp với nhau thì bị Công an phường Ngô Q vào kiểm tra bắt quả tang.

Qua điều tra Nguyễn Thị H, Đặng K N đã khai nhận việc quan hệ mãi dâm tại nhà K. Lê Thị K đã thú nhận hành vi chứa chấp mãi dâm tại nhà và còn khai thêm từ trước đến nay K đã hai lần chứa cô N ở Đò Q hành nghề mãi dâm ở nhà K và một lần cho Nguyễn Thị H thuê nhà để hành nghề mãi dâm. H trả K 2.000 đồng và ngày 01-7-1990 K đã nhận của anh N 12.000 đồng để cho N quan hệ mãi dâm với H ở nhà mình.

Bản cáo trạng số 255/KSĐT-TA ngày 05-9-1990 Viện kiểm sát nhân dân TPND truy tố Lê Thị K tội: “Chứa mãi dâm” theo quy định tại khoản 1 điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thị K về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị K phạm tội: “Chứa mãi dâm”.

- Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 1985: Xử phạt bị cáo Lê Thị K từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù;

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TPND, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2]. Về tội danh:

Ngày 01-7-1990, Lê Thị K đã có hành vi cho Đặng Kim N và Nguyễn Thị H quan hệ tình dục tại nhà mình (nhà số 85 Bờ S, phường Ngô Q, TPND) nhằm thu lợi bất chính thì bị phát hiện.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng. Thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị K phạm tội “Chứa mãi dâm”.

Căn cứ Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội, xét thấy hình phạt chính của tội: “Chứa mãi dâm” quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm

1985 nhẹ hơn hình phạt chính của tội: “ Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên áp dụng khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1985 đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo không cấu thành các tình tiết định khung tăng nặng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

4.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thật thà khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bố bị cáo là người có công với đất nước được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến; bị cáo là người cao tuổi; vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

4.3. Về hình phạt:

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, sức khỏe của con người. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình xét xử nên cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt đã truy tố cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên ấn định mức hình phạt đối với bị cáo ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, bị cáo là người cao tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về số tiền chiếm hưởng bất chính:

Số tiền 12.000 đồng (mười hai nghìn đồng) do Đặng Kim N đưa cho bị cáo Lê Thị K để được quan hệ tình dục với Nguyễn Thị H tại nhà bị cáo là tiền do phạm tội mà có. Số tiền này bị cáo khai đã ăn tiêu hết từ năm 1990. Xét số tiền chiếm hưởng bất chính có giá trị ít nên không tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

[7] Án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị K bị kết án nên bị cáo phải nộp án phí Hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị K phạm tội: “Chứa mồi dâm”.
 - Căn cứ khoản 1 Điều 202; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 1985:
 - Xử phạt bị cáo Lê Thị K 06 (sáu) tháng tù.
 - Thời hạn tù tính từ ngày 01-9-2023.
3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Lê Thị K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Lê Thị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPND;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPND;
- Công an TPND;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh

